

NHỮNG NÉT ĐẶC THÙ VÀ GIÁ TRỊ ĐƯƠNG ĐẠI TRONG TƯ TƯỞNG PHÁP LUẬT CỦA KHỔNG TỬ

Hoàng Thị Kim Quế*

Là người sáng lập trường phái Nho gia trên cơ sở kế thừa những tinh hoa văn hoá dân tộc, Khổng Tử đã xây dựng và để lại cho nhân loại một học thuyết chính trị - đạo đức đồ sộ và quý giá, trong đó có tư tưởng pháp luật với những nét đặc thù và có nhiều giá trị đương đại. Đây là một vấn đề còn ít được quan tâm nghiên cứu trong lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý nói chung, tư tưởng của Khổng Tử nói riêng. Qua bước đầu tìm hiểu, chúng tôi xin nêu một số suy nghĩ, chủ yếu là về phương pháp luận nghiên cứu tư tưởng pháp luật của Khổng Tử.

Việc nghiên cứu tư tưởng pháp luật của nho gia nói chung và của Khổng Tử là cần thiết bởi lẽ, không hiểu tư tưởng pháp luật nho gia thì không thể có cách hiểu sâu sắc về nền pháp luật cổ đại, về văn hoá pháp luật Trung Hoa và các nước chịu ảnh hưởng khác. Hệ thống pháp luật Trung Hoa cổ đại tuy trải qua nhiều biến động song luôn chịu sự chi phối của các khái niệm, tư tưởng Khổng gia¹, tư tưởng pháp luật của Khổng Tử đã được pháp điển hoá. Ở Việt Nam, tình hình cũng có nhiều nét tương tự, trong lịch sử, công lao hình thành các bộ luật là thuộc về các nhà nho².

*PGS.TS Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

¹ Xem, Hạ Lan, Pháp luật Trung Hoa và xã hội Trung Hoa, Trung Hoa thư mục, 1981, tr. 320-326, dẫn theo Du Vinh Căn, Tư tưởng pháp luật của Nho gia, Nxb Nhân dân Quảng tây, bản dịch của Viện thông tin khoa học xã hội, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

² Nguyễn Tài Thư, Vai trò của đạo Khổng trong sự hình thành và sử dụng pháp luật ở Việt Nam, Viện

1. Vì sao Khổng Tử cũng bàn đến pháp luật trong khi ông chủ trương đức trị về quản lý con người và xã hội (phép trị người, trị nước)?

Theo chúng tôi, sự hiện diện của tư tưởng pháp luật trong học thuyết đồ sộ của Khổng Tử về quản lý xã hội là một tất yếu lịch sử, phù hợp với lôgic sự vật - lôgic của quản lý xã hội, lôgic của tư duy. Bởi lẽ, Khổng Tử suốt cuộc đời đã trăn trở cho việc tìm kiếm phương thức, công cụ hữu hiệu để quản lý xã hội, vì một xã hội thái bình, thịnh vượng. Phương thức mà ông cho là hữu hiệu nhất đó là đạo đức. Và ông đã không thể bỏ qua việc sử dụng một công cụ lợi hại khác là pháp luật. Pháp luật không thể “vô ý” bị bỏ qua một cách nhẹ nhõm, ráo hoảnh được trong tâm nhìn sâu, rộng của nhà tư tưởng kiệt xuất này.

Những kiến giải sâu sắc, tinh túy về giá trị, công năng của đạo đức, thường được Khổng Tử đặt trong tương quan so sánh với pháp luật. Những so sánh của Khổng Tử về đạo đức và pháp luật trong phép trị người, trị nước quyết không phải là để đi đến sự phủ nhận pháp luật, bởi điều đó là không tưởng xét trên nhiều phương diện. Để khẳng định những ưu thế, sức mạnh và cả những hạn chế riêng có của đạo đức, Khổng Tử tất yếu phải bàn đến pháp luật, xác định sự cần thiết phải bổ sung pháp luật vào đường lối trị nước.

Bàn về học thuyết Khổng Tử, nhiều quan điểm nghiên cứu thường chỉ nhấn mạnh đến

nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, bài trong sách Xã hội và pháp luật, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr 243.

ông như một nhà đạo đức học, theo đuổi đường lối đức trị, chỉ duy nhất đề cập đến đạo đức mà không biết đến vai trò của pháp luật, thậm chí có quan điểm còn cho rằng ông phản đối việc dùng pháp luật trong quản lý xã hội. Sự thực, Khổng Tử cũng bàn về pháp luật với một cách tiếp cận rất độc đáo, và quan trọng hơn cả là trong mối quan hệ biện chứng, trong tâm sâu của văn hoá pháp luật, trong mối tương quan với đạo đức, đành rằng ông có thiện cảm hơn về đạo đức, “nặng Đức, nhẹ Hình”. Đã từ nhiều thập kỷ nay, những tư tưởng pháp luật và quản lý, quản lý kinh doanh của ông đã được quan tâm nghiên cứu và vận dụng chọn lọc ở tầm quốc gia và quốc tế³.

Điểm tiếp theo, cần bắt đầu từ quan niệm – nhận thức về “pháp luật”, vào thời Khổng Tử, pháp luật được hiểu và vận dụng như thế nào?

Để tìm hiểu và đánh giá tư tưởng pháp luật của Khổng Tử, cần bắt đầu từ quan niệm – nhận thức về pháp luật. Đây chính là điểm xuất phát để có thể kết luận ông có phủ nhận pháp luật hay không. Thời xưa người Trung Hoa nói riêng và phương Đông nói chung không có quan niệm pháp luật theo nghĩa rộng như phương Tây và thời hiện đại. Trong quan niệm xã hội, pháp luật đồng nghĩa với trừng phạt, là hình phạt tàn khốc, “pháp là hình”, “hình là pháp”. Khái niệm pháp trị mà các học giả Trung Quốc quen dùng cũng không hoàn toàn như nghĩa pháp luật của phương Tây. Các quan niệm trước đây như hình, tắc, luật, lệ, điển v.v, theo ngôn ngữ hiện đại là hình phạt tức là chỉ nói đến pháp luật theo nghĩa hẹp. Vào thời cổ đại

Trung hoa, pháp luật theo nghĩa rộng thường không tìm thấy trong các thuật ngữ đó mà chứa đựng trong các phạm trù “đạo”, “nhân”, “lý”, “nhân nghĩa”, “lễ nghĩa”. Khổng Tử không phê phán, phủ nhận việc dùng pháp luật nói chung, kể cả việc dùng hình phạt nghiêm khắc khi cần thiết. Ông chỉ lên án, phủ nhận một thứ pháp luật, một khuynh hướng cực đoan, biến tướng của pháp luật chân chính – hình luật tàn khốc và sự lạm dụng hình phạt không thương xót.

Từ phương diện triết học pháp luật mà tìm hiểu, đánh giá tư tưởng pháp luật của Khổng Tử chủ không chỉ trên cơ sở lý luận pháp luật thuần túy

Nghiên cứu pháp luật với đầy đủ ý nghĩa của nó, nhất là trong xã hội hiện đại chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở kết hợp luật học và triết học, đặc biệt là triết học pháp luật. Phải trên quan niệm toàn diện về pháp luật, từ cơ sở tạo thành đến sự vận hành trong đời sống để thâm nhập vào miền đất thánh – những quan điểm của Khổng Tử về pháp luật mới thấy hết ý nghĩa, tầm nhìn sâu rộng thiên tài của ông. Pháp luật là một hiện tượng văn hoá, cũng như đạo đức có giá trị xã hội to lớn, nhận thức về pháp luật được thể hiện trên ba cấp độ: giá trị, nguyên tắc, quy định cụ thể. Đây là biểu hiện cụ thể của triết học pháp luật trong quan niệm, nhận thức pháp luật. Khổng Tử ngày xưa và chúng ta ngày nay đã gặp nhau ở điểm hẹn tất yếu này. Quan điểm tiếp cận này về pháp luật cũng chính là tư duy pháp lý hiện đại, là tổ chất và yêu cầu của pháp luật trong nhà nước pháp quyền, một nền pháp luật nhân văn, tất cả vì con người, vì một *Tinh thần chi phối pháp luật: Nhân – Yêu Người* (nhân giả ái nhân). Mặc dù còn nhiều hạn chế, tiêu cực thuộc về tất yếu lịch sử, tư tưởng pháp luật của Khổng Tử đã chứa đựng nhiều nhân tố của nhà nước pháp quyền, thuộc lý tưởng của pháp luật trong nhà nước pháp quyền.

³ Phan Nãi Việt, Khổng Tử với tư tưởng quản lý và kinh doanh hiện đại, Nxb Văn hoá thông tin, 1998, tr. 131-163;

- Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Xã hội và pháp luật, Nxb Chính trị quốc gia, H, 1994, tr. 240-241

2. Một số nét đặc thù trong tư tưởng pháp luật của Khổng Tử

Đi tìm tư tưởng pháp luật của Khổng Tử ở đâu trong học thuyết vĩ đại, đồ sộ của Ông? Câu trả lời là: phải trong tổng thể tư tưởng của Khổng Tử mà nhận thức tư tưởng pháp luật của Ông. Một nhà luật học Trung Quốc hiện đại đã có một nhận xét độc đáo: không thể tìm tư tưởng pháp luật Khổng Tử trên mặt chữ Luận ngữ mà phải tìm giữa các hàng, thấu qua mặt chữ⁴. Tư tưởng pháp luật của Khổng Tử được thể hiện một cách rất độc đáo, tinh túy, giản dị mà sâu sắc, len lỏi vào trong mọi mạch nước ngầm li ti trong kho tàng lý luận quý giá của ông.

Không đưa ra các khái niệm, các phạm trù pháp lý hay sự kiến giải pháp lý theo lối văn phong bác học nào. Cũng không dừng lại ở sự phân tích, mổ xẻ các điều luật, cách thức làm luật. Và tuy không phải là phần chủ yếu trong học thuyết của mình, nhưng các quan điểm của Khổng Tử về pháp luật rất đặc sắc bởi chúng liên quan đến nhiều phương diện của pháp luật: đến lập pháp, chấp pháp, tư pháp, các lĩnh vực luật hình sự, hôn nhân và gia đình, kinh tế, tài chính, tố tụng. Hơn thế, Khổng Tử đã đi vào những vấn đề chung, bao quát hơn về pháp luật – về giá trị, nguyên tắc, quan điểm pháp luật, về áp dụng hình phạt; về mối quan hệ pháp luật và đạo đức; về pháp luật nhân đạo, vì sự yêu người, tin ở con người.

Về phương pháp luận, chỉ có thể tìm hiểu được tư tưởng pháp luật của Khổng Tử trên cơ sở tìm hiểu Nhân, Lễ và lễ trị, đức trị, từ kết cấu của mối quan hệ lễ và nhân, lễ và pháp của ông. Tư tưởng pháp luật của ông là tư tưởng pháp luật nhân học, là tư tưởng pháp

luật luân lý, không phải pháp luật tự nhiên. Tư tưởng pháp luật nhân học của Khổng Tử được thể hiện sâu sắc ở chủ nghĩa dân bản, bản vị luân lý gia tộc, chủ nghĩa quân chủ tương đối, chủ nghĩa trung dung⁵. Học trò hỏi ông về nhân, ông nói: là yêu người, điều gì mình không muốn thì đừng áp đặt người khác, ta không muốn người khác áp đặt cho ta, ta cũng muốn không áp đặt cho người (Luận ngữ, Nhan Uyên). Nhân tức là nguyên tắc xử lý đúng đắn quan hệ giữa người với người, là học vấn đề làm thế nào để làm người ra người, khiến người thành người, để làm chính trị hợp với đạo người. Tinh thần dân bản được thể hiện trong chủ trương lập pháp khoan dung, đơn giản, về chấp pháp yêu cầu phạt đúng tội, không chủ trương hình phạt tàn khốc, lấy đạo trung thứ để luận tội với cả tấm lòng thương người. Tinh thần này còn được thể hiện ở sự quan tâm đến con người, phải làm cho dân đủ lương thực, đủ binh, được dân tin đó là ba điều trong cương lĩnh chính trị của Khổng Tử. Phải coi trọng giáo dục cho dân, làm giàu cho dân; phản đối sưu cao thuế nặng, chính trị hà khắc, lạm dụng hình phạt, đòi hỏi phải giảm hình, thận trọng khi dùng hình, coi trọng sinh mệnh dân, khoan thư sức dân... Với học thuyết nhân, Khổng Tử là người đầu tiên trong lịch sử nhân loại đề cập đến con người (trên bình diện nhân đạo chứ chưa phải trên bình diện nhân quyền). Khổng Tử khẳng định sự cần thiết của pháp luật: đức vật phải có khuôn mẫu, thước vẽ, thước tròn, thước vuông, suy rộng ra hành vi con người, người làm chính trị cũng phải có những thước đó tức là pháp luật. Ông yêu cầu “quân tử hoài hình” (Luận ngữ, thiên Lý nhân) có nghĩa là phải làm gương trong việc quan tâm đến lễ pháp, tuân giữ lễ pháp.

⁴ Xem, Du Vinh Căn, Tư tưởng pháp luật của Nho gia, Nxb Nhân dân Quảng Tây, bản dịch của Viện Thông tin khoa học xã hội, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

⁵ Du Vinh Căn, Tư tưởng pháp luật Nho gia, sdd, tr.335

Tư tưởng pháp luật của Khổng Tử được thể hiện trong quan điểm về lễ và lễ trị của ông. Lễ chứa đựng những quy tắc hành vi thích hợp, phổ biến trong xã hội cổ đại, bao gồm các quy phạm pháp luật, quy phạm đạo đức, tôn giáo, tập tục. Nghiên cứu lễ thì mới có thể hiểu được pháp luật cổ đại⁶. Theo ông, trong mối quan hệ giữa Nhân và Lễ thì nhân là gốc, là chủ, là tinh thần, lễ là tiêu chuẩn, là sự tiết chế để thực hành nhân: kìm chế mình trở lại với lễ là nhân, một khi kìm chế được mình trở lại với lễ thì thiên hạ đi theo nhân (Luận ngữ, thiên Nhan Uyên) và người mà bất nhân còn lễ gì?, người mà bất nhân thì còn nhạc gì (Thiên Bát dật). Lễ trị theo Khổng Tử nhằm đạt mục đích tạo lập một trật tự trong các quan hệ gia đình và xã hội. Lễ giúp người tôn tâm dưỡng tính, từ đó xác lập tập quán, thói quen làm điều phải, hợp lý một cách tự nhiên, không cố cưỡng; lễ điều hoà trạng thái tâm lý, tình cảm, hành vi con người trong sự trung dung, ôn hoà, đúng mực, không thái quá, không bất cập. Tính của người bình thường là thừa thì xa xỉ, thiếu thì hà tiện, không ngăn cấm thì dâm dăng, không có tiết độ thì phạm sai lầm, để buông thả lỏng lòng dục thì hư hỏng nên phải có cữ, có hạn⁷, ẩm thực phải có hạn lượng, y phục phải có tiết chế, cửa nhà phải có pháp độ, súc vật phải có số thường v.v. Lễ ngăn cấm điều tà đạo, lễ giúp con người tiến gần đến điều thiện và tránh xa điều ác mà bản thân con người không biết (Khổng Tử, chương Kinh giải, tiết 26).

⁶ Du Vinh Căn, Tư tưởng pháp luật Nho gia, sđd, tr. 273

⁷ Khổng Tử, tập ngữ, chương Tề hầu vấn, tiết 13, dẫn theo Vũ Tính, đạo đức học phương Đông cổ đại, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 53-54; Nguyễn Thế Nghĩa, Đại cương lịch sử các tư tưởng và học thuyết chính trị thế giới, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1999, tr. 83

Chủ trương đức trị, lấy Đức làm chủ, Hình làm phụ, điều cốt lõi là phải kết hợp, bổ sung Đức, Lễ và Hình

Về đường lối cai trị, Khổng Tử luôn lấy đức làm trọng, nhưng không vì thế mà phủ nhận vai trò của pháp luật, “bởi vì chỉ có lòng thiện mà thôi thì lòng thiện chẳng đủ sức cai trị, chỉ có luật pháp mà thôi thì luật pháp chẳng đủ sức làm cho người ta tuân theo” (Mạnh Tử, Ly Lâu - Thượng 1). Trong Luận ngữ, Khổng Tử ca ngợi pháp luật của vua Nghiêu: vĩ đại thay, rực rỡ thay điển chế của thánh vương! Đây chính là sự thể hiện tư tưởng quản lý xã hội bằng pháp luật.⁸ Khổng Tử viết một nhận định nổi tiếng về đức trị và pháp trị: “Dẫn dắt bằng chính, chấn chỉnh bằng hình, dân chịu mà vô sỉ. Dẫn dắt bằng đức, chấn chỉnh bằng lễ, biết si lại tiêu chuẩn, dân mới biết tự trọng và vào nề nếp” (Luận ngữ, thiên Vi chính). Nghĩa ở đây là, theo Khổng Tử, pháp luật thì chỉ khiến người ta vì sợ mà không dám làm điều ác. Còn dùng đức thì người ta xúc động đến tận đáy lòng và tự nguyện thực hiện, không phải vì sợ pháp luật mà là vì sợ xấu hổ trước người khác, sợ lương tâm cắn dứt đến chết dần, chết mòn. Điều này không thể đi đến nhận định rằng, Khổng Tử phủ nhận vai trò của pháp luật. Dẫn dắt bằng chính, chấn chỉnh bằng hình là nói đến pháp luật, khi nói dân vô sỉ là nói đến chỗ không đủ của pháp luật, và cũng chính vì chỗ không đủ đó mà phải bổ sung bằng đức trị. Khổng Tử coi việc dùng hình luật là điều dĩ nhiên, tất yếu, thậm chí phải áp dụng hình phạt cao nhất đối với những tội phạm nghiêm trọng, như tội gây chiến tranh: “Kẻ thích chiến tranh thì phải chịu tử hình, sau đó kẻ liên kết chư hầu thì

⁸ Phan Nãi Việt, Khổng Tử với tư tưởng quản lý và kinh doanh hiện đại, Nxb Văn hoá thông tin, 1998, tr. 131-163;

giảm một bậc"⁹. Về tố tụng, theo ông nên lấy không tố tụng làm lý tưởng. Đồng thời một khi đã xảy ra việc kiện tụng thì cũng như người khác, ông lấy pháp luật xử cho trung, trực.

Tư tưởng pháp luật của ông thể hiện những nét đặc sắc của tư duy triết học pháp luật, triết học nhân sinh, xác định những ưu thế và hạn chế vốn có của pháp luật và đạo đức; xác định khuynh hướng cho sự vận dụng kết hợp đạo đức, pháp luật trên nền tảng chủ đạo của đạo đức trong quản lý xã hội. Nguyên tắc cai trị thích hợp nhất theo ông là lấy Đức Lễ làm chủ, pháp hình làm phụ, kết hợp pháp và lễ, giữa dùng người và dùng pháp, cưỡng chế và giáo hoá. Xét từ phương diện này, Khổng Tử cũng có chủ trương "pháp trị, nhưng là pháp trị bao gồm lễ trị, pháp luật và đạo đức, pháp luật và nhân nghĩa bổ trợ và đồng hành với nhau. Pháp luật là công cụ thực hiện đạo đức, phát huy tính tự do của con người chứ không phải chống lại đạo đức, trói buộc tự do"¹⁰.

Tư tưởng pháp luật Khổng Tử còn được thể hiện trong chủ nghĩa luân lý gia tộc. Luận về hiếu, Khổng Tử đưa ra nguyên tắc tố tụng bảo vệ đạo hiếu không vi phạm hiếu lễ. Đã là cha con có tội mà che dấu cho nhau (Phụ tử tương ẩn) là không vi phạm hiếu lễ, là hợp pháp. Theo ông, cha con phải giấu cho nhau mới hợp với lễ, là trực, đây là việc lấy lễ chỉ đạo pháp, dùng luân lý để khuất phục pháp luật. Tuy vậy, ông cũng chủ trương áp dụng hình phạt đối với các hành vi che giấu cho nhau các tội phạm liên quan đến vận mệnh quốc gia, phải "đại nghĩa vật thân"(vì nghĩa lớn mà trừ diệt thân thuộc),

như tội mưu phản, mưu đại nghịch đều không thuộc nguyên tắc này.

Khổng Tử đề cập nguyên tắc áp dụng hình phạt - *chủ nghĩa trung dung*. Đây là một trong những nét đặc sắc trong tư tưởng pháp luật của ông và cũng chính là phương pháp luận của pháp luật luân lý nho gia. Khổng Tử lấy trung dung làm đức cao nhất (chí đức). Ông nói: lễ nhạc không hưng thịnh thì hình phạt không công bằng, hình phạt không công bằng thì dân biết trốn tránh vào đâu (Luận ngữ, thiên Tử lộ). Nguyên tắc áp dụng hình phạt mà ông đưa ra là "trung phạt", "hình trung", đòi hỏi phán quyết một cách công bằng chính trực, không oan sai, không giết người vô tội, không vu oan người lương thiện. Trung dung là hoà, hoà là quý nhất, hoà vi quý, không sai cũng không bất cập, hoà hợp nhưng không a dua, phán đoán, xử lý theo thời thế mà không vi phạm nguyên tắc; pháp luật phải ổn định, phải theo thời thế, tư pháp phải thích đáng, đúng mức. Khi ông làm tư khấu xử kiện, không bao giờ thiên lệch, theo đúng pháp luật, hình pháp vừa phải không lạm dụng hình phạt hà khắc

Nguyên tắc áp dụng *hình phạt trung* mà Khổng Tử đề xuất là sự kế thừa một tư tưởng pháp lý của dân tộc có từ thời Tây Chu, *trung phạt, bất trung bất hình* (không vừa phải thì không là hình phạt). *Trung* có nghĩa là vừa phải, thích hợp, thận trọng áp dụng hình phạt, vừa phải, không nhẹ, không nặng (Thượng thư chính nghĩa). Chủ nghĩa trung dung chỉ đạo việc áp dụng hình phạt và chính là chính sách hình sự của Khổng tử. Ông không phủ nhận khi phải dùng hình phạt nặng, nhưng ông chủ trương "uy nhi bất mãnh" (ngghiêm nhưng không tàn khốc), "khoan mãnh tương tế" - khoan hoà và nghiêm khắc bổ trợ cho nhau.

⁹ Mạnh Tử, Ly Lâu thượng, tiết 14, dẫn theo Vũ Khiêu, Nho giáo và đạo đức, Nxb Khoa học xã hội, H, 1995, tr. 220-221

¹⁰ Hạ Lan, Nho gia tư tưởng tân luận, Nxb Chính trung Nam kinh, 1946, tr. 14

Tư tưởng pháp luật của Khổng Tử thể hiện một chính sách hình sự nhân đạo, lấy giáo dục, phòng ngừa làm chính - chủ trương *ai cũng chiết ngục*, một tư tưởng có từ trong triết lý pháp luật dân gian. Ai cũng chiết ngục hoặc ai lương chiết ngục nghĩa là xử án với lòng thương, yêu cầu khi lượng hình phạt phải tính đến nguyên nhân xã hội, “bề trên lỗi đạo” mà dẫn đến việc phạm tội, tùy theo tình huống cụ thể mà xét xử khoan hồng ở mức nhất định. Theo ông, khi thụ lý vụ án nếu điều tra xong tình tiết vụ án thì đừng lấy làm mừng mà phải buồn đau, thương xót dân bất hạnh, buồn vì dân không được giáo dục mà phạm tội. Khổng Tử giải thích: xử án dù có đúng cũng phải thương xót người bị xử, người chết không thể sống lại, cái gì đã đứt không thể nối lại (Thiên Tử Trương sách Mạnh Tử). Ai cũng chiết ngục là nguyên tắc tư pháp nhân đạo, đối lập với chủ nghĩa trọng hình, “lấy hình phạt để chấm dứt hình phạt” (Dĩ hình chỉ hình), coi mạng người như cỏ rác.

Không chỉ dừng lại ở “ai cũng chiết ngục”, Khổng Tử còn đi xa hơn về yếu tố con người trong xét xử vì một nền tư pháp độc lập, khách quan trong việc đưa ra nguyên tắc *đạo đức tư pháp*: “*tư pháp trực*”. Nguyên tắc áp dụng hình phạt này là bắt nguồn và chịu sự chỉ đạo của chủ nghĩa nhân học trong toàn bộ hệ tư tưởng Khổng Tử. Trực đạo, một nguyên tắc về đạo đức tư pháp, không nể nang, quan chấp pháp không được thiên tình, thiên vị, không kể thân sơ, cương trực không nể nang, theo luật làm việc “chấp pháp như sơ”, là yêu cầu của tư pháp trong nhà nước pháp quyền hiện đại, có ý nghĩa tích cực và giá trị vĩnh cửu¹¹.

Khổng Tử đã xây dựng lý thuyết về phòng ngừa tội phạm nói theo ngôn ngữ hiện

đại trong quan điểm về giáo dục dân làm cho dân giàu. Khổng Tử quan niệm bản tính của con người là gần nhau, do môi trường khác nhau khiến tập tính của họ khác biệt mà thôi. Điều đó chứng tỏ Khổng Tử rất coi trọng ảnh hưởng của môi trường đối với tập tính của con người, tin ở khả năng cải tạo, giáo dục được con người. Khổng Tử còn chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến phạm tội như nghèo đói, sự sa đoạ của người cầm quyền v.v. Tuy rằng còn nhiều hạn chế trong quan niệm, song những tư tưởng nêu trên của ông đã mang nhiều yếu tố tích cực, có thể vận dụng chọn lọc trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm hiện nay. Trong phòng ngừa tội phạm, ông chủ trương dùng đạo đức, bổ sung thêm lễ và nhạc để giáo dục, cảm hoá con người, áp dụng hình phạt nghiêm khắc ở mức độ thích hợp nhưng không tàn ác. Lễ đưa con người vào kỷ cương, nhạc điều hoà tính cách con người. Ông tìm thấy ở trong nhạc cái thiện, cái chân, cái mỹ: “Nhạc thiếu tận mỹ lại tận thiện, Nhạc Vũ tận mỹ nhưng chưa tận thiện”¹². Quan điểm này của Khổng Tử rất gần với lý thuyết y học và giáo dục học hiện đại trong việc sử dụng âm nhạc để giáo hoá, chữa bệnh cho con người.

3. Đôi điều về giá trị đương đại trong tư tưởng pháp luật Khổng Tử

Học thuyết chính trị – đạo đức trong đó có tư tưởng pháp luật của Khổng Tử không tránh khỏi những hạn chế thuộc tất yếu lịch sử. Một trong những điểm hạn chế đó như: quá thiên về giáo dục cảm hoá, đơn giản hoá khi tin vào lòng nhân nhân đức của người cầm quyền để thay đổi tất cả, quan tâm đến dân với tư cách là con người chứ chưa với tư cách là công dân, thiên về nghĩa vụ đạo đức gia tộc nặng nề mà chưa quan tâm về quyền lợi theo pháp luật, v.v. Tuy vậy, tư tưởng

¹¹ Du Vinh Căn, Tư tưởng pháp luật Nho gia, sdd, tr 373

¹² Luận ngữ, Nxb Trí đức tông thư, Sài gòn, 1950, tr46

pháp luật nhân học của ông đã chứa đựng nhiều tinh hoa văn hoá pháp luật, tiệm cận với lý tưởng pháp luật nhân văn tất cả vì con người – giá trị cao quý nhất.

Khổng Tử đã rất khách quan, công bằng khi không coi cái nào - đạo đức hay pháp luật là công cụ vạn năng cả, tuy rằng ông đã coi đạo đức là loại vắc xin, loại kháng sinh mạnh hơn, công dụng hơn so với pháp luật để chữa trị các căn bệnh xã hội. Toa thuốc mà ông đã bắt mạch và kê cho xã hội là cần sử dụng cả hai loại vắc xin đó với hàm lượng cao hơn nghiêng về đạo đức. Trong từng trường hợp, “từng ca bệnh” cụ thể thì toa thuốc đó có thể chưa đúng, đơn giản hoá thậm chí cực đoan. Nhưng xét về toàn cục trên bình diện xã hội, vì sự thái bình, thịnh vượng mà tình yêu thương con người là cầu nối liên kết mọi người trong thế giới đại đồng, thiên hạ là của chung (thiên hạ vị công), và từ bản tính con người thì triết lý quản lý mà ông xây dựng về nguyên tắc và mục tiêu cao cả là đúng đắn. Thực tiễn xưa nay đã chứng minh, pháp luật và đạo đức chỉ có thể phát huy được vai trò, giá trị và hiệu lực, hiệu quả trong mối quan hệ biện chứng, tác động, hỗ trợ lẫn nhau. Làm trái quy luật đó sẽ dẫn đến những hậu quả cực đoan, cản trở tiến trình phát triển của xã hội. Cái chân lý tạo ra động lực phát triển đồng thời là triết lý phát triển không phải ở một bên đạo đức hay pháp luật mà chính là ở mối quan hệ biện chứng giữa đạo đức và pháp luật¹³. Khi đạo đức đã xuống cấp, thì dù pháp luật có hay đến mấy cũng trở nên vô nghĩa. Con

người không hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức thì cũng dễ dàng vi phạm pháp luật. Ngược lại, sự vi phạm pháp luật, pháp luật không nghiêm lại là tiền đề làm rối loạn kỷ cương đạo đức xã hội.

Phấn đấu không vi phạm pháp luật là điều cần và tốt nhưng chưa đủ mà còn phải giáo dục đạo đức và kiểm soát về phương diện đạo đức ở mọi nơi mọi lúc, có như vậy mới giúp con người ta kìm chế cái ác, mới khuyến thiện¹⁴. Khai thác, phát huy tối đa những ưu thế, sức mạnh riêng của đạo đức, bổ sung vào những khiếm khuyết của đạo đức bằng pháp luật luôn luôn là triết lý quản lý xã hội đúng đắn. Nhà nước pháp quyền yêu cầu tôn vinh, thượng tôn pháp luật nhưng không loại trừ đạo đức, đạo luật chỉ mang tính pháp quyền khi phù hợp với đạo đức. Các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức luôn là tiêu chí tác động đến nội dung của các quy phạm pháp luật, được tính đến khi xem xét các vấn đề pháp lý và ngược lại, trong mỗi một vấn đề của đạo đức đều phải xem xét cả về phương diện pháp lý. Cống hiến vĩ đại trong tư tưởng chính trị – pháp lý của Khổng Tử là đã chỉ ra *cái ưu thế, cái yếu thế, cái đủ và cái chưa đủ của đạo đức và pháp luật*. Dẫu rằng sự nhận thức, giải thích còn nhiều đơn giản, thiên lệch, song đó là cơ sở khoa học cho việc sử dụng kết hợp pháp luật và đạo đức trong quản lý xã hội, đặc biệt là trong xã hội hiện đại. Những quan điểm của ông về đạo đức và pháp luật vẫn còn nguyên giá trị, soi rọi vào cuộc sống hiện đại, vào những vấn đề mà mỗi quốc gia, dân tộc và toàn nhân loại đang phải đối mặt để tìm lời giải đáp.

¹³ Xem, Vũ Khiêu, Thành Duy, Đạo đức và pháp luật trong triết lý phát triển ở Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 2000, Hoàng Thị Kim Quế, Xu hướng vận động, phát triển của pháp luật và đạo đức ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 7 và 8/2002

¹⁴ Hoàng Thị Kim Quế, Tính con người và những vấn đề của đạo đức, pháp luật, tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 3/2004